

Số: 3012/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 28 tháng 12 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 810/TTr-SNV ngày 26 tháng 12 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt và công bố kèm theo Quyết định này Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm, có giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động cải cách hành chính và cải thiện, nâng mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

2. Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan xây dựng báo cáo phân tích, đánh giá kết quả hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2023, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Hội Cựu Chiến binh tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (cơ quan thường trực);
- Các phòng, ban, Trung tâm thuộc VP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh;
- Trang TTĐT CCHC tỉnh;
- Lưu: VT, 1.06.05.

**CHỦ TỊCH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC  
ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC  
NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VINH LONG**

*(Kèm theo Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

<b>STT</b>	<b>TÊN ĐƠN VỊ</b>	<b>CHỈ SỐ HÀI LÒNG (%)</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>I</b>	<b>CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH</b>	<b>86,86</b>	
1	Sở Khoa học và Công nghệ	92,02	
2	Sở Nội vụ	91,23	
3	Sở Tài chính	90,52	
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	89,82	
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	88,64	
6	Sở Thông tin và Truyền thông	88,61	
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	87,76	
8	Sở Công Thương	86,52	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	86,33	
10	Sở Tư pháp	86,23	
11	Sở Giao thông vận tải	85,95	
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	85,84	
13	Sở Y tế	85,43	
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	85,35	
15	Sở Xây dựng	85,05	
16	Ban Quản lý Các khu công nghiệp	74,46	

<b>STT</b>	<b>TÊN ĐƠN VỊ</b>	<b>CHỈ SỐ HÀI LÒNG (%)</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>II</b>	<b>CƠ QUAN NGÀNH DỤC</b>	<b>80,57</b>	
1	Bảo hiểm xã hội	80,57	
<b>III</b>	<b>ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN</b>	<b>77,01</b>	
1	Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Bình Tân	87,55	
2	UBND huyện Vũng Liêm	78,69	
3	UBND huyện Trà Ôn	77,80	
4	UBND huyện Tam Bình	76,32	
5	UBND thành phố Vĩnh Long	75,18	
6	UBND huyện Mang Thít	74,70	
7	UBND thị xã Bình Minh	73,40	
8	UBND huyện Long Hồ	72,44	
<b>IV</b>	<b>ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ</b>	<b>76,56</b>	
1	Huyện Bình Tân	86,99	
2	Huyện Vũng Liêm	78,74	
3	Huyện Trà Ôn	77,55	
4	Huyện Tam Bình	75,91	
5	Thành phố Vĩnh Long	74,50	
6	Huyện Mang Thít	74,21	
7	Thị xã Bình Minh	72,33	
8	Huyện Long Hồ	72,27	